

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119120036	HUỲNH CẨM CHI	05/10/2001	CCQ1912B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119120037	NGUYỄN THỊ KIM CHI	15/08/2001	CCQ1912B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119120002	LÊ KHẢ DANH	09/08/2001	CCQ1912A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119120390	NGUYỄN THỊ DIỄM	15/10/2000	CCQ1912L						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119120040	ĐẶNG NGỌC HÀ	16/08/2001	CCQ1912B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119120041	BÙI THỊ NGỌC HÂN	17/03/2001	CCQ1912B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120120076	PHAN CẢNH HIỆU	20/02/2001	CCQ2012C						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119120042	BIỆN THANH HOA	10/04/2001	CCQ1912B						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119120043	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	02/03/2001	CCQ1912B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120120214	NGUYỄN HỮU HUY	12/10/2002	CCQ2012G						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120120215	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	20/07/2002	CCQ2012G						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119120045	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	27/04/2001	CCQ1912B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119120044	PHAN HỒNG HƯƠNG	13/06/2001	CCQ1912B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120120117	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN KHANG	21/07/2000	CCQ2012D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119120354	LÊ MAI KHANH	07/06/2000	CCQ1912K						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120120574	PHAN HỮU KHÔI	22/01/1998	CCQ2012N						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119120047	VĂN THỊ THANH LỊCH	07/05/2001	CCQ1912B						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119120396	TRẦN NGUYỄN THẢO LINH	05/01/2001	CCQ1912L						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119120009	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG LOAN	20/03/2001	CCQ1912A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119120010	NGUYỄN THÀNH LUÂN	29/08/2001	CCQ1912A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**
CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119120012	PHẠM HOÀNG QUỲNH LY	10/11/2001	CCQ1912A						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	2119120011	TRẦN THỊ PHI LY	20/04/2001	CCQ1912A						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	2120120082	NGUYỄN NGỌC MY	15/10/2001	CCQ2012C						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	2119120362	NGUYỄN THỊ THU	27/11/2001	CCQ1912K						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	2119120361	TẠ THỊ QUỲNH	16/05/2001	CCQ1912K						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	2119120013	ĐỖ THỊ KIM	05/01/1999	CCQ1912A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	2119120049	NGUYỄN THỊ THANH	12/06/2001	CCQ1912B						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	2119120014	VÕ THỊ KIM	01/11/1999	CCQ1912A						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	2119120051	ĐINH TRẦN LÊ	15/02/2001	CCQ1912B						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	2119120052	TẶNG THANH	28/02/2001	CCQ1912B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	2119120364	BÙI THỊ YẾN	05/05/2001	CCQ1912K						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	2120120084	THÁI BÙI HOÀI	31/07/2001	CCQ2012C						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	2119120400	KIM THỊ HỒNG	04/09/2001	CCQ1912L						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	2119120053	TRẦN THỊ BÍCH	10/11/2001	CCQ1912B						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	2120120227	LÊ TRỌNG	28/10/2001	CCQ2012G						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	2119120642	HỒ THỊ	19/09/2001	CCQ1912K						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	2119120054	NGUYỄN ĐĂNG THANH	04/09/2001	CCQ1912B						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	2119120055	PHẠM NGUYỄN NHÃ	11/09/2001	CCQ1912B						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	2119120059	TRẦN PHƯỚC CHÁNH	04/03/2001	CCQ1912B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	2119120024	PHẠM QUANG	24/04/2001	CCQ1912A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120120270	TRẦN QUỐC THANH	12/08/2002	CCQ2012H						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2120120231	VÕ HỒNG THANH	22/04/2002	CCQ2012G						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2119120063	TỬ ĐÌNH THANH	06/01/2000	CCQ1912B						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2119120023	CHU TRẦN TRANG	08/10/1997	CCQ1912A						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2119120062	HUỖNH THỊ THANH	24/04/2001	CCQ1912B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2119120020	PHẠM THỊ NGỌC	05/05/2001	CCQ1912A						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2119120406	NGUYỄN THỊ NGỌC	01/01/2000	CCQ1912L						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2120120687	PHẠM NGUYỄN ĐAN	13/08/2001	CCQ2012L						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2119120643	PHẠM THỊ	03/05/2001	CCQ1912L						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2119120025	NGUYỄN CÔNG	19/03/2001	CCQ1912A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2119120026	LÊ BÙI BÍCH	15/03/2001	CCQ1912A						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2119120065	VÕ THỊ ANH	23/05/2001	CCQ1912B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2119120407	HỒ THỊ HOÀI	22/02/2001	CCQ1912L						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2119120028	NGUYỄN THỊ	28/04/2001	CCQ1912A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2119120376	HUỖNH THỊ	17/10/2001	CCQ1912K						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2119120029	LÂM NGỌC HUỖNH	07/07/2001	CCQ1912A						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2119120030	PHẠM THỊ BÍCH	12/11/2000	CCQ1912A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2120120275	ĐẶNG THỊ DIỄM	19/08/2001	CCQ2012H						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2119120410	TRƯƠNG THỊ NGỌC	22/08/2001	CCQ1912L						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2119120412	NGUYỄN KIỀU	06/11/2001	CCQ1912L						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**
CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2120120205	THIỀU QUANG TUẤN	05/10/2000	CCQ2012F						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
62	2119120068	NGUYỄN THANH TUYỀN	02/03/2001	CCQ1912B						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
63	2119120416	PHÙNG THỊ BÉ	13/02/2001	CCQ1912L						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
64	2119120379	NGUYỄN THỊ LAN	29/08/2001	CCQ1912K						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
65	2119120032	HOÀNG THỊ MỸ UYÊN	21/05/2001	CCQ1912A						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
66	2119120380	ĐỖ THỊ TƯỜNG	21/10/2001	CCQ1912K						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
67	2119120070	NGUYỄN TƯỜNG VY	22/07/2001	CCQ1912B						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
68	2119120035	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	10/05/2001	CCQ1912A						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
69	2119120384	NGUYỄN THỊ MỸ YẾN	16/10/2001	CCQ1912K						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
70	2119120383	TRẦN THỊ KIM YẾN	16/06/2001	CCQ1912K						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	